

Ba Vì, ngày 22 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Công bố công khai kết quả đấu thầu gói thầu số 10 : Mua sắm hóa chất ,
vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C 501**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BA VÌ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách , tổ chức ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017 /TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách , tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách NN đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ quyết định số 712/ QĐ- BVBV ngày 08/11/2023 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì về việc phê duyệt kết đấu thầu gói thầu 10 : Mua sắm hóa chất , vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C 501

Căn cứ vào quyền hạn của giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai kết quả đấu thầu gói thầu số 10 : Mua sắm hóa chất , vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C501 (Có QĐ trúng thầu kèm theo).

Điều 2. Giao phòng Tài chính kế toán công khai trên Website của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.Trưởng phòng TC – Kế toán công khai đến nhân viên y tế và người dân được biết.Trong vòng 15 ngày nếu có gì thắc mắc xin liên hệ với Phòng TC - Kế toán để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Sở y tế (Đề báo cáo)
- Lưu VT, TC-KT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Bá Hiền

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Mua sắm hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C501

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BA VÌ

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/07/2018;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về Quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-SYT ngày 13/12/2022 của Sở Y tế Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị thuộc Sở Y tế Hà Nội;

Căn cứ Quyết định 4121/QĐ-SYT ngày 11/7/2023 về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 – 2025 cho 36 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế (Đợt 1)

Căn cứ Dự toán thu chi ngân sách năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2023 của Chính Phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-BV BV ngày 02/10/2023 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì về việc phê duyệt Dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế thông thường và hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm; sinh phẩm chẩn đoán năm 2023 đợt 1 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-BV BV ngày 05/10/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế thông thường và hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm; sinh phẩm chẩn đoán năm 2023 đợt 1 năm 2023;

Căn cứ Báo cáo số 1164/BC-TCG ngày 06/11/2023 của Tổ Chuyên gia đấu thầu về việc đánh giá Hồ sơ dự thầu Gói thầu số 10: Mua sắm hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C501;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 07/11/2023 giữa Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì với Công ty cổ phần liên hiệp đầu tư xây dựng nông thôn Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo số 1208/BC-TTĐ ngày 08/11/2023 của Tổ Thẩm định đấu thầu về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Mua sắm hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C501;

Xét Tờ trình số 207/TTr-TCG ngày 07/11/2023 của Tổ Chuyên gia đấu thầu về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Mua sắm hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C501.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Mua sắm hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C501 thuộc dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế thông thường và hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm; sinh phẩm chẩn đoán năm 2023 đợt 1 năm 2023 với nội dung sau:

1. Nhà thầu được lựa chọn: Công ty cổ phần liên hiệp đầu tư xây dựng nông thôn Việt Nam.

(Địa chỉ: Số 1 - 3/299, tổ 45B đường Hoàng Mai, Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội)

2. Giá trúng thầu: 962.426.469 đồng (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng). (Chi tiết theo Phụ lục - Danh mục hàng hóa đính kèm).

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2: Bệnh viện tổ chức ký hợp đồng với đơn vị được lựa chọn. Sau khi ký hợp đồng, các bên có trách nhiệm thực hiện các điều khoản quy định tại hợp đồng.

Điều 3: Các Ông (bà): Trưởng phòng VT-TBYT, Trưởng phòng TCKT và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH huyện Ba Vì;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Bá Hiền

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN BA VÌ

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA

Gói thầu số 10: Mua sắm hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa Cobas C501
(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BVBV ngày 08/11/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì)
Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ [ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tên quốc gia,]	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (Có VAT)
1	Albumin	Hộp	7	Ký mã hiệu 03183688122 Roche Diagnostics GmbH / Đức	271.562	1.900.934
2	ALT	Hộp	35	Ký mã hiệu 20764957322 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.356.642	47.482.470
3	Amylase	Hộp	7	Ký mã hiệu 03183742122 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.905.593	13.339.151
4	AST	Hộp	35	Ký mã hiệu 20764949322 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.356.642	47.482.470
5	Bilirubin Direct	Hộp	5	Ký mã hiệu 05589061190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	571.095	2.855.475
6	Bilirubin Total	Hộp	5	Ký mã hiệu 05795397190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	407.925	2.039.625
7	Bóng đèn máy sinh hóa	Chiếc	4	Ký mã hiệu 04813707001 Hitachi High-Technologies Corporation, Japan ;	7.326.000	29.304.000
8	Calcium Arsenaro	Hộp	12	Ký mã hiệu 05061482190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	632.835	7.594.020

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ [ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tên quốc gia,]	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (Có VAT)
9	Chất hoạt động bề mặt	Hộp	2	Ký mã hiệu 06544410190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	2.174.823	4.349.646
10	Chất pha loãng mẫu NaCl 9%	Hộp	1	Ký mã hiệu 04489357190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	239.860	239.860
11	Cholesterol	Hộp	26	Ký mã hiệu 03039773190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	699.300	18.181.800
12	CK-MB	Hộp	10	Ký mã hiệu 07190808190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	2.415.000	24.150.000
13	Control HBA 1C Norm	Hộp	2	Ký mã hiệu 05479207190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	4.410.000	8.820.000
14	Control HBA 1C Path	Hộp	2	Ký mã hiệu 05912504190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	4.520.250	9.040.500
15	Creatinin	Hộp	25	Ký mã hiệu 04810716190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.223.775	30.594.375
16	CRP	Hộp	14	Ký mã hiệu 07876033190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	4.125.000	57.750.000
17	Dung dịch bảo dưỡng hàng ngày kim hút, điện cực điện giải	Hộp	2	Ký mã hiệu 04663632190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	3.681.115	7.362.230
18	Dung dịch rửa có tính acid	Hộp	4	Ký mã hiệu 04880307190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	3.344.985	13.379.940

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ [ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tên quốc gia,]	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (Có VAT)
19	Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng	Hộp	34	Ký mã hiệu 04880285214 Roche Diagnostics (Suzhou) Ltd / Trung Quốc	1.665.300	56.620.200
20	Dung dịch rửa kim hút mẫu 1	Hộp	2	Ký mã hiệu 04708725190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.041.957	2.083.914
21	Dung dịch rửa kim hút mẫu 2	Hộp	2	Ký mã hiệu 05958024190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	869.505	1.739.010
22	Dung dịch rửa NaOH 1mol/l	Hộp	1	Ký mã hiệu 04489241190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	202.797	202.797
23	Ethanol	Hộp	20	Ký mã hiệu 03183777190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	2.569.928	51.398.560
24	Ferritin	Hộp	2	Ký mã hiệu 04885317190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	10.004.085	20.008.170
25	GGT	Hộp	3	Ký mã hiệu 03002721122 Roche Diagnostics GmbH / Đức	904.428	2.713.284
26	Glucose	Hộp	34	Ký mã hiệu 04404483190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.398.600	47.552.400
27	HBA 1C	Hộp	12	Ký mã hiệu 05336163190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	6.002.616	72.031.392
28	HBA 1C HAEMOLYZING	Hộp	3	Ký mã hiệu 04528182190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.067.132	3.201.396

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ [ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tên quốc gia,]	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (Có VAT)
29	HDL-Cholesterol	Hộp	19	Ký mã hiệu 07528566190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	3.557.106	67.585.014
30	Hóa chất Calibration	Hộp	2	Ký mã hiệu 10759350190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.524.474	3.048.948
31	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm HbA1C	Hộp	2	Ký mã hiệu 04528417190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	4.802.093	9.604.186
32	Hóa chất chuẩn CK-MB	Hộp	2	Ký mã hiệu 11447394216 Roche Diagnostics GmbH / Đức	762.237	1.524.474
33	Hóa chất chuẩn nhóm xét nghiệm mỡ máu	Hộp	3	Ký mã hiệu 12172623122 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.162.004	3.486.012
34	Hóa chất chuẩn nhóm xét nghiệm Protein	Hộp	3	Ký mã hiệu 11355279216 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.370.628	4.111.884
35	Hóa chất QC mức 1	Hộp	6	Ký mã hiệu 05117003190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	8.400.000	50.400.000
36	Hóa chất QC mức 2	Hộp	6	Ký mã hiệu 05117216190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	8.400.000	50.400.000
37	Iron	Hộp	3	Ký mã hiệu 03183696122 Roche Diagnostics GmbH / Đức	889.277	2.667.831
38	LDL-Cholesterol	Hộp	32	Ký mã hiệu 07005717190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	3.059.438	97.902.016
39	NH3/ETH/CO2 calibrator	Hộp	2	Ký mã hiệu 20751995190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.313.519	2.627.038

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ [ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tên quốc gia,]	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (Có VAT)
40	NH3/ETH/CO2 control A	Hộp	2	Ký mã hiệu 20753009190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	2.032.632	4.065.264
41	NH3/ETH/CO2 control N	Hộp	2	Ký mã hiệu 20752401190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	2.032.632	4.065.264
42	Total protein	Hộp	3	Ký mã hiệu 03183734190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	524.475	1.573.425
43	Triglyceride	Hộp	35	Ký mã hiệu 20767107322 Roche Diagnostics GmbH / Đức	723.776	25.332.160
44	Ureal	Hộp	30	Ký mã hiệu 04460715190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	1.524.474	45.734.220
45	Uric acid	Hộp	6	Ký mã hiệu 03183807190 Roche Diagnostics GmbH / Đức	813.519	4.881.114
	Tổng					962.426.469

Số tiền bằng chữ: *Chín trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng.*